



**XÍ NGHIỆP IN BAO BÌ KHATOCO
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
KHÁNH VIỆT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt công bố các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt. Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200486169-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/01/2011, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Xí nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Sự kiện trong năm

- Theo Quyết định số 205/QĐ – HĐTV ngày 20/11/2013 của Tổng Công ty Khánh Việt thì Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt sẽ chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV In Bao bì Khatoco.
- Theo Công văn gửi Cơ quan thuế số 01/CV – IBB ngày 12/12/2013 và Biên bản bàn giao tình hình tài sản, nguồn vốn, lao động và các hồ sơ pháp lý khác có liên quan tại ngày 31/12/2013 thì Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV In Bao bì Khatoco kể từ ngày 01/01/2014.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Trường Sơn, Khu Bình Tây, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84) 058.3883451
- Fax: (84) 058.3882379

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn chuyên doanh khác (trừ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2013 là 325 người. Trong đó, cán bộ quản lý 55 người. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Đình Hương | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/01/2011 |
| Bà Trần Thị Hoài | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2013 |
| Ông Phạm Nguyễn Nhật Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/01/2013 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Xí nghiệp, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Xí nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Đình Hương

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1053 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ban Giám đốc
Xí nghiệp In Bao bì Khatoco - Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20/08/2014 của Xí nghiệp In Bao bì Khatoco (sau đây gọi tắt là "Xí nghiệp") đính kèm từ trang 5 đến trang 21.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Xí Nghiệp chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Xí nghiệp theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Xí nghiệp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Xí nghiệp tại ngày 31/12/2013, và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Xí nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Nguyễn Trọng Hiếu - Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0391-2013-010-1

Trần Vũ Nguyên Hà - Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2333-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.826.647.652	102.397.456.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	318.457.449	425.722.147
1. Tiền	111		318.457.449	425.722.147
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.153.934.640	19.723.006.584
1. Phải thu khách hàng	131		35.321.766.506	18.836.353.469
2. Trả trước cho người bán	132		14.000.000	1.089.046.280
3. Các khoản phải thu khác	135	6	30.347.299	9.786.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(212.179.165)	(212.179.165)
IV. Hàng tồn kho	140	8	75.034.891.966	81.287.968.147
1. Hàng tồn kho	141		75.034.891.966	81.287.968.147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		319.363.597	960.759.185
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	208.952.221	692.221.908
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	110.411.376	268.537.277
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.791.084.916	70.088.111.243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		57.578.054.716	70.087.050.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	57.578.054.716	70.087.050.637
- Nguyên giá	222		195.215.416.661	186.695.464.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.637.361.945)	(116.608.414.081)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		213.030.200	1.060.606
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	213.030.200	1.060.606
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		168.617.732.568	172.485.567.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		88.617.732.568	128.157.620.507
I. Nợ ngắn hạn	310		88.617.732.568	126.999.176.174
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.158.444.333	420.211.476
2. Phải trả người bán	312		39.187.506.273	20.536.285.021
3. Người mua trả tiền trước	313		-	66.000.000
4. Phải trả người lao động	315		40.007.600.000	-
5. Phải trả nội bộ	317	14	7.546.037.008	105.165.279.677
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	16.644.954	811.400.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		701.500.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.158.444.333
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	-	1.158.444.333
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.000.000.000	44.327.946.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	80.000.000.000	44.327.946.799
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	80.000.000.000	44.327.946.799
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		168.617.732.568	172.485.567.306



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 20 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhất Anh

Người lập biểu

Phạm Nguyễn Nhất Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	353.982.072.033	319.825.690.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		397.025.540	628.031.055
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	353.585.046.493	319.197.659.745
4. Giá vốn hàng bán	11	19	325.299.941.360	308.588.818.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		28.285.105.133	10.608.841.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	70.062.751	83.088.739
7. Chi phí tài chính	22	21	120.773.188	841.198.524
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.041.964	260.176.609
8. Chi phí bán hàng	24		6.350.780.292	5.425.402.151
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.883.614.404	4.425.329.634
11. Thu nhập khác	31	22	17.665.776.317	6.438.550.942
12. Chi phí khác	32	23	12.948.225.048	187.481.400
13. Lợi nhuận khác	40		4.717.551.269	6.251.069.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	26.601.165.673	10.676.399.176
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	26.601.165.673	10.676.399.176



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 20 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhất Anh

Người lập biểu

Phạm Nguyễn Nhất Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	372.723.978.428	352.403.594.860
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(269.687.881.030)	(144.766.306.652)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.895.763.800)	(10.109.504.442)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(106.041.964)	(260.176.609)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.912.223.012	6.336.395.687
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(99.179.481.360)	(157.268.970.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.767.033.286	46.335.032.044
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(7.518.343.943)	(46.268.801.366)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	405.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.257.435	75.463.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.454.086.508)	(45.788.337.435)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(420.211.476)	(518.127.598)
2. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(420.211.476)	(518.127.598)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(107.264.698)	28.567.011
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	425.722.147	397.155.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	318.457.449	425.722.147



Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 20 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhật Anh

Người lập biểu

Phạm Nguyễn Nhật Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Xí nghiệp In Bao bì Khatoco – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Xí nghiệp”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt. Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200486169-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/01/2011, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Xí nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác (trừ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Xí nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc thiết bị	2,5 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6

4.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Xí nghiệp đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Xí nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Xí nghiệp đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các dịch vụ liên quan đến in, buôn bán đồ dùng cho gia đình, áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Trong năm tài chính 2013 Xí nghiệp không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, toàn bộ lợi nhuận trước thuế được chuyển về Tổng Công ty Khánh Việt để kê khai và quyết toán theo quy định hiện hành.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.10 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Xí nghiệp bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Xí nghiệp bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	20.203.259	29.835.450
Tiền gửi ngân hàng	298.254.190	395.886.697
Cộng	318.457.449	425.722.147

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Khánh Hòa	13.629.224	9.786.000
Thuế thu nhập cá nhân thu CBCNV	16.718.075	-
Cộng	30.347.299	9.786.000

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	212.179.165	212.179.165
Cộng	212.179.165	212.179.165

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	63.725.699.444	65.153.703.296
Chi phí SX, KD dở dang	4.708.783.896	5.178.172.363
Thành phẩm	6.600.408.626	10.956.092.488
Cộng	75.034.891.966	81.287.968.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm hỏa hoạn và rủi ro tai nạn	-	54.233.616
Chi phí sửa chữa	22.067.250	38.722.068
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	186.884.971	235.094.406
Chi phí bảo hộ lao động	-	328.826.364
Chi phí thuê kho	-	35.345.454
Cộng	208.952.221	692.221.908

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	110.411.376	268.537.277
Cộng	110.411.376	268.537.277

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.938.543.436	158.306.673.543	8.052.487.986	1.297.759.753	100.000.000	186.695.464.718
Điều chuyển nội bộ	7.413.315.951	-	991.291.000	164.355.114	-	8.568.962.065
Tăng do xây dựng cơ bản	1.894.936.923	451.786.232	-	-	-	2.346.723.155
Tăng mua sắm	-	3.844.648.750	1.286.137.492	40.834.546	-	5.171.620.788
Giảm do điều chuyển	5.927.325.290	658.267.974	-	-	-	6.585.593.264
Giảm theo TT45	-	258.022.789	-	723.738.012	-	981.760.801
Số cuối năm	22.319.471.020	161.686.817.762	10.329.916.478	779.211.401	100.000.000	195.215.416.661
Khấu hao						
Số đầu năm	12.178.241.122	98.276.661.965	5.073.736.503	1.069.033.750	10.740.741	116.608.414.081
Điều chuyển nội bộ	7.384.419.417	-	991.291.000	164.355.114	-	8.540.065.531
Khấu hao trong năm	1.551.224.904	16.898.825.367	1.292.860.425	55.931.740	33.333.336	19.832.175.772
Giảm do điều chuyển	5.877.971.440	658.267.974	-	-	-	6.536.239.414
Giảm theo TT45	-	249.865.075	-	557.188.950	-	807.054.025
Số cuối năm	15.235.914.003	114.267.354.283	7.357.887.928	732.131.654	44.074.077	137.637.361.945
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.760.302.314	60.030.011.578	2.978.751.483	228.726.003	89.259.259	70.087.050.637
Số cuối năm	7.083.557.017	47.419.463.479	2.972.028.550	47.079.747	55.925.923	57.578.054.716

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2013 là: 58.630.668.523 đồng.

Không có Tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay đến ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	108.665.450	1.060.606
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	104.364.750	-
Cộng	213.030.200	1.060.606

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (CĐ XN In Bao bì Khatoco)	1.158.444.333	420.211.476
Cộng	1.158.444.333	420.211.476

14. Phải trả nội bộ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	7.546.037.008	105.165.279.677
Cộng	7.546.037.008	105.165.279.677

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	16.644.954	-
Thuế Thu nhập cá nhân thu hộ Tổng Công ty	-	811.400.000
Cộng	16.644.954	811.400.000

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn (CĐ XN In bao bì Khatoco)	-	1.158.444.333
Cộng	-	1.158.444.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	44.327.946.799	-	44.327.946.799
Tăng trong năm		10.676.399.176	10.676.399.176
Giảm trong năm		10.676.399.176	10.676.399.176
Số dư tại 31/12/2012	<u>44.327.946.799</u>	<u>-</u>	<u>44.327.946.799</u>
Số dư ngày 01/01/2013	44.327.946.799	-	44.327.946.799
Tăng trong năm	35.721.407.051	26.601.165.673	62.322.572.724
Giảm trong năm	49.353.850	26.601.165.673	26.650.519.523
Số dư ngày 31/12/2013	<u>80.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>80.000.000.000</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	80.000.000.000	44.327.946.799
Cộng	<u>80.000.000.000</u>	<u>44.327.946.799</u>

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.601.165.673	10.676.399.176
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	26.601.165.673	10.676.399.176
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	353.982.072.033	319.825.690.800
- Doanh thu bán thành phẩm	257.252.121.285	229.822.856.709
+ Doanh thu bán cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc	31.107.780.729	40.288.257.190
+ Doanh thu bán cho các Công ty mà TCT đầu tư vốn	988.828.480	818.544.470
+ Doanh thu bán cho các đối tượng khác	225.155.512.076	188.716.055.049
- Doanh thu xuất khẩu khu phi thuế quan	96.684.490.248	89.953.215.291
+ Doanh thu xuất khẩu trực tiếp	14.365.878.097	11.901.520.245
+ Doanh thu xuất khẩu qua các đơn vị nội bộ	82.318.612.151	78.051.695.046
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.460.500	49.618.800
Các khoản giảm trừ doanh thu	397.025.540	628.031.055
+ Giảm giá hàng bán	149.336.850	1.466.160
+ Hàng bán bị trả lại	247.688.690	626.564.895
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.585.046.493	319.197.659.745

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	325.292.162.614	308.588.818.175
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.778.746	-
Cộng	325.299.941.360	308.588.818.175

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.257.435	75.463.931
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.805.316	7.624.808
Cộng	70.062.751	83.088.739

21. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	106.041.964	260.176.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.731.224	581.021.915
Cộng	120.773.188	841.198.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	405.000.000
Thu nhập từ bán giấy phế liệu	4.539.721.177	5.390.663.129
Thu nhập từ nhượng bán vật tư	13.070.538.049	-
Hoàn thuế nhập khẩu	25.186.241	30.676.624
Thu nhập từ tiền bồi thường	18.181.818	478.297.937
Thu nhập khác	12.149.032	133.913.252
Cộng	17.665.776.317	6.438.550.942

23. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	49.833.331
Xuất bán vật tư, thành phẩm	12.911.707.762	132.402.614
chi phí khác	36.517.286	5.245.455
Cộng	12.948.225.048	187.481.400

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.601.165.673	10.676.399.176
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	26.601.165.673	10.676.399.176
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.601.165.673	10.676.399.176

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	404.583.258.306	241.405.003.977
Chi phí nhân công	44.523.476.648	29.235.423.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.832.175.772	28.573.226.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác bằng tiền	19.096.037.500	16.826.281.461
Cộng	488.034.948.226	316.039.935.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Xí nghiệp xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Xí nghiệp mua hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (như giấy và các loại mực in), do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Xí nghiệp lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Xí nghiệp còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá ngoài dự tính của Xí nghiệp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Xí nghiệp phần lớn là trong nước. Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Xí nghiệp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Xí nghiệp đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng. Với những khách hàng mới, Xí nghiệp tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Xí nghiệp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Xí nghiệp thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Xí nghiệp theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	1.158.444.333	-	1.158.444.333
Phải trả người bán	39.187.506.273	-	39.187.506.273
Phải trả nội bộ	7.546.037.008	-	7.546.037.008
Cộng	47.891.987.614	-	47.891.987.614

<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	420.211.476	1.158.444.333	1.578.655.809
Phải trả người bán	20.536.285.021	-	20.536.285.021
Phải trả nội bộ	105.165.279.677	-	105.165.279.677
Phải trả khác	811.400.000	-	811.400.000
Cộng	126.933.176.174	1.158.444.333	128.091.620.507

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Xí nghiệp được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	318.457.449	-	318.457.449
Phải thu khách hàng	35.109.587.341	-	35.109.587.341
Cộng	35.428.044.790	-	35.428.044.790

<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	425.722.147	-	425.722.147
Phải thu khách hàng	18.624.174.304	-	18.624.174.304
Phải thu khác	9.786.000	-	9.786.000
Cộng	19.059.682.451	-	19.059.682.451

Giám đốc Xí nghiệp cho rằng tại ngày kết thúc năm tài chính Xí nghiệp không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Xí nghiệp có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Xí nghiệp cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Xí nghiệp tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Giám đốc Xí nghiệp đánh giá rằng Xí nghiệp hoạt động trong các bộ phận kinh doanh chính là: Kinh doanh liên quan đến in ấn và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khánh Việt	Đơn vị cấp trên
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Công viên du lịch Yang Bay	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Khu du lịch Bảo Đại	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Nhà máy thức ăn chăn nuôi Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Gia Lai	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Giống Đà điều Quảng Nam	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Xí nghiệp May Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đông Á	Công ty liên kết của Tổng Công ty

b. Những giao dịch trọng yếu của Xí nghiệp với bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng	4.662.199.687	3.895.724.632
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco	405.814.754	705.497.940
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	14.778.744	31.898.182
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	356.621.215	299.383.638
Công ty Cổ phần Đông Á	3.835.454.700	2.850.509.600
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	7.807.910	8.435.272
Khu du lịch Bảo Đại	41.722.364	-
Bán hàng	114.304.726.360	119.129.546.706
Tổng Công ty Khánh Việt	229.651.350	141.777.880
Câu lạc bộ Bóng đá Khatoco	-	17.885.000
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	99.194.300	231.002.250
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	10.343.000	31.084.000
Công viên du lịch Yang Bay	72.728.500	43.694.543
Khu du lịch Bảo Đại	13.260.000	24.300.000
Nhà máy thức ăn chăn nuôi Khánh Hòa	54.785.000	98.878.500
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hòa	112.729.725.398	117.689.015.047
Chi nhánh Gia Lai	4.000.000	4.650.000
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	67.885.332	31.810.016
Trung tâm Giống Đà điều Quảng Nam	22.300.000	14.200.000
Xí nghiệp May Khatoco	7.125.000	11.655.000
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco	4.900.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	977.868.480	722.805.470
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	7.000.000	5.250.000
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	3.960.000	61.539.000
Công ty Cổ phần Đông Á	27.633.405	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với bên liên quan

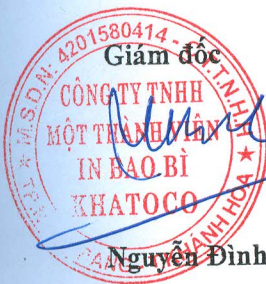
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Đông Á	30.396.745	-
Nợ phải trả		
Công ty Cổ phần Đông Á	881.038.240	287.232.300
Tổng Công ty Khánh Việt	7.546.037.008	105.165.279.677

29. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Giám đốc
Nguyễn Đình Hương

Nha Trang, ngày 20 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Nhất Anh

Người lập biểu

Phạm Nguyễn Nhất Anh